

TỜ TRÌNH

**Về việc hỗ trợ kinh phí thực hiện phòng, chống hạn và xâm nhập mặn
phục vụ dân sinh, sản xuất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Kính gửi:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài chính.

Đầu vụ Đông Xuân 2019 - 2020, lượng nước trữ của hầu hết các hồ chứa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ở mức thấp (đạt trung bình 85% dung tích thiết kế), trong khi cùng kỳ vụ Đông Xuân 2018 - 2019 dung tích hồ chứa đạt trung bình 98% dung tích thiết kế. Tổng lượng mưa trong vụ Đông Xuân 2019 - 2020 thấp hơn trung bình nhiều năm (TBNN), chỉ đạt khoảng 40-70% so với TBNN, nền nhiệt độ cao hơn TBNN từ 0,5-1,5⁰C.

Để đảm bảo nguồn nước phục vụ dân sinh và sản xuất nông nghiệp trong năm 2020, ngay sau kết thúc mùa mưa lũ năm 2019, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các Sở, ngành chức năng, địa phương, đơn vị triển khai các biện pháp đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất năm 2020 và Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 24/02/2020 về việc triển khai các giải pháp cấp bách phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn năm 2020.

Thực hiện Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 24/02/2020 của UBND tỉnh, trong vụ Đông Xuân 2019 - 2020, các địa phương, đơn vị đã chủ động triển khai nhiều biện pháp phòng chống hạn: Bố trí ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác để sửa chữa các cửa cống lấy nước bị rò rỉ, thất thoát nước, nạo vét kênh mương, đắp đập tạm ngăn mặn, giữ ngọt,..., với tổng kinh phí thực hiện là 55,0 tỷ đồng (các huyện, thị xã, thành phố: 45 tỷ đồng, Công ty TNHH Một thành viên khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi: 9,5 tỷ đồng, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh: 0,5 tỷ đồng); đã tưới luân phiên trên hệ thống thủy lợi Thạch Nham, vận hành các cống lấy nước đúng yêu cầu dùng nước để đảm bảo đủ nước phục vụ sản xuất, dân sinh, phòng chống hạn vụ Đông Xuân 2019 - 2020 và tiết kiệm nước cho vụ Hè Thu năm 2020.

Hiện tại, lượng nước trữ của hầu hết các hồ chứa trên địa bàn tỉnh đều ở mức thấp, đạt trung bình khoảng 55% dung tích thiết kế (cùng thời điểm năm 2019 thì lượng nước trữ của các hồ chứa đạt 78,5% dung tích thiết kế); đặc

biệt lượng nước trữ của nhiều hồ chứa nước đạt thấp so với dung tích thiết kế như: Nước Trong 73%, Liệt Sơn 21%, Hóc Dọc 07%, Thới Lới 17%, Sở Hữu 39%, An Thọ 46%. Ngoài ra, theo nhận định của Đài Khí tượng - Thủy văn tỉnh, lượng mưa trong vụ Hè Thu năm 2020 trên địa bàn tỉnh có khả năng tiếp tục thấp hơn TBNN, nên nhiệt độ có khả năng cao hơn TBNN.

Với tình hình nguồn nước hiện tại và nhận định khí tượng, thủy văn nêu trên thì khả năng xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn trong vụ Hè Thu năm 2020 trên địa bàn tỉnh là rất cao.

Thực hiện Luật Thủy lợi và Quyết định số 01/2016/QĐ-TTg ngày 19/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, quy trình hỗ trợ kinh phí cho các địa phương để khắc phục hậu quả thiên tai; UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính quan tâm xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ cho tỉnh Quảng Ngãi **150,0 tỷ đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng)** để Tỉnh hỗ trợ cho các huyện, thị xã, thành phố, Công ty TNHH Một thành viên khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh khắc phục hậu quả hạn hán vụ Đông Xuân 2019 - 2020 và tiếp tục thực hiện công tác phòng, chống hạn và xâm nhập mặn, phục vụ dân sinh và sản xuất vụ Hè Thu 2020 trên địa bàn tỉnh, trong đó:

- Kinh phí đề nghị hỗ trợ khắc phục hậu quả hạn hán vụ Đông Xuân 2019 - 2020: 50 tỷ đồng.

- Kinh phí đề nghị hỗ trợ thực hiện công tác phòng, chống hạn trong vụ Hè Thu 2020: 100 tỷ đồng.

(Chi tiết có Phụ lục về khối lượng và kinh phí đề nghị hỗ trợ kèm theo).

Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính quan tâm xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Tổng cục Thủy lợi;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP(NN), KT, TH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(tnh245).



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Căng

**TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG VÀ NHU CẦU KINH PHÍ KHÁC PHỤC HẬU QUẢ HẠN HẠN VỤ ĐÔNG XUÂN 2019-2020;
PHÒNG, CHỐNG HẠN VÀ XÂM NHẬP MẶN VỤ HÈ THU 2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Phụ lục:

(Kèm theo **Tờ trình số 28** /TT-UBND ngày **13** /4/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



TT	Địa phương, đơn vị thực hiện	Nội dung phòng, chống hạn năm 2020						
		Điện vượt định mức		Dầu vượt định mức		Nạo vét, sửa chữa cửa lấy nước, hệ thống kênh dẫn nước, cấp nước sinh hoạt; nạo vét bồi lấp ao, hồ; đập đập tạm		Kinh phí đề nghị Trung ương hỗ trợ (triệu đồng)
		Khối lượng (Kwh)	Thành tiền (triệu đồng)	Khối lượng (lít)	Thành tiền (triệu đồng)	Khối lượng nạo vét, sửa chữa (m ³)	Thành tiền (triệu đồng)	
A	VỤ ĐÔNG XUÂN 2019-2020	829.000	1.303	15.100	170	2.521.930	148.527	150.000
I	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Quảng Ngãi	80.000	126	4.000	45	300.000	17.138	17.308
II	Trung tâm Nước sạch và VSMTNT Quảng Ngãi	20.000	31			3.000	180	211
III	Các huyện, thị xã, thành phố	105.000	165	2.100	24	538.200	32.292	32.481
1	Bình Sơn	15.000	24	1.000	11	80.000	4.800	4.835
2	Sơn Tịnh	20.000	31	0	0	40.000	2.400	2.431
3	Thành phố Quảng Ngãi	10.000	16	0	0	9.000	540	556
4	Tur Nghĩa	10.000	16	0	0	80.000	4.800	4.816
5	Nghĩa Hành	20.000	31	0	0	40.000	2.400	2.431

TT	Địa phương, đơn vị thực hiện	Nội dung phòng, chống hạn năm 2020						Kinh phí đề nghị Trung ương hỗ trợ (triệu đồng)
		Điện vượt định mức		Dầu vượt định mức		Nạo vét, sửa chữa cửa lấy nước, hệ thống kênh dẫn nước, cấp nước sinh hoạt; nạo vét bồi lấp ao, hồ; đắp đập tạm		
		Khối lượng (Kwh)	Thành tiền (triệu đồng)	Khối lượng (lít)	Thành tiền (triệu đồng)	Khối lượng nạo vét, sửa chữa (m ³)	Thành tiền (triệu đồng)	
6	Mộ Đức	10.000	16	0	0	40.000	2.400	2.416
7	Đức Phò	20.000	31	1.100	12	50.000	3.000	3.044
8	Ba Tư	0	0	0	0	50.000	3.000	3.000
9	Minh Long	0	0	0	0	40.000	2.400	2.400
10	Sơn Hà	0	0	0	0	60.000	3.600	3.600
11	Sơn Tây	0	0	0	0	10.000	600	600
12	Trà Bồng (mới)	0	0	0	0	36.200	2.172	2.172
13	Lý Sơn	0	0	0	0	3.000	180	180
B	VỤ HỀ THU 2020	624.000	981	9.000	101	1.680.730	98.918	100.000
<i>I</i>	<i>Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Quảng Ngãi</i>	<i>304.000</i>	<i>478</i>	<i>5.000</i>	<i>56</i>	<i>670.000</i>	<i>38.274</i>	<i>38.808</i>
<i>II</i>	<i>Trung tâm Nước sạch và VSMTNT Quảng Ngãi</i>	<i>50.000</i>	<i>79</i>			<i>15.000</i>	<i>900</i>	<i>979</i>
<i>III</i>	<i>Các huyện, thị xã, thành phố</i>	<i>270.000</i>	<i>424</i>	<i>4.000</i>	<i>45</i>	<i>995.730</i>	<i>59.744</i>	<i>60.213</i>
1	Bình Sơn	60.000	94	1.000	11	120.000	7.200	7.306
2	Sơn Tịnh	50.000	79	1.000	11	80.000	4.800	4.890
3	Thành phố Quảng Ngãi	10.000	16	0	0	20.000	1.200	1.216

TT	Địa phương, đơn vị thực hiện	Nội dung phòng, chống hạn năm 2020						
		Điện vượt định mức		Dầu vượt định mức		Nạo vét, sửa chữa cửa lấy nước, hệ thống kênh dẫn nước, cấp nước sinh hoạt; nạo vét bồi lấp ao, hồ; đắp đập tạm		Kinh phí đề nghị Trung ương hỗ trợ (triệu đồng)
		Khối lượng (Kwh)	Thành tiền (triệu đồng)	Khối lượng (lít)	Thành tiền (triệu đồng)	Khối lượng nạo vét, sửa chữa (m ³)	Thành tiền (triệu đồng)	
4	Tur Nghĩa	20.000	31	0	0	110.000	6.600	6.631
5	Nghĩa Hành	30.000	47	0	0	60.000	3.600	3.647
6	Mộ Đức	40.000	63	1.000	11	100.000	6.000	6.074
7	Đức Phổ	60.000	94	1.000	11	120.000	7.200	7.306
8	Ba Tơ	0	0	0	0	90.000	5.400	5.400
9	Minh Long	0	0	0	0	80.000	4.800	4.800
10	Sơn Hà	0	0	0	0	90.000	5.400	5.400
11	Sơn Tây	0	0	0	0	13.730	824	824
12	Trà Bồng	0	0	0	0	103.000	6.180	6.180
13	Lý Sơn	0	0	0	0	9.000	540	540

CHÚ THÍCH VỀ ĐƠN GIÁ:

- Đơn giá điện: 1.572 đồng/kwh.

- Đơn giá nhiên liệu (dầu diesel): 11.259 đồng/lít.